TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/02/2025
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vinh và bà Đặng Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐ-HNGĐ ngày 24/01/2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Đào Thị C, sinh năm 1987.

Nơi Đăng ký HKTT: Thôn H, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố H, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Lê Anh T, sinh năm 1983.

Nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn H, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

* Người dịch ký hiệu ngôn ngữ:

Bà Lâm Thị Hoàng A - Kỹ Thuật viên Bệnh viện P.

Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* Người chứng kiến:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960 (mẹ đẻ của chị Đào Thị C).

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Chị C, bà Hoàng A, bà T1 có mặt. Anh Lê Anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đào Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Lê Anh T trước đây cùng lớp Giáo dục đặc biệt của Trường Tiểu học B, thành phố T. Từ mối quan hệ từ ngày học cùng nhau, chị với anh T đã tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20 tháng 8 năm 2010, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi cưới vợ chồng tôi ở cùng với mẹ đẻ anh T tại thôn H, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019 trở lại đây nguyên nhân là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, từ nguyên nhân đó nên anh chị thường xảy ra cãi vã. Trước sự việc này bố mẹ chị đã hai lần đến nhà anh T để hòa giải nhưng chỉ được một thời gian ngắn anh T vẫn tiếp diễn. Mâu thuẫn nặng nề nhất là từ tháng 7/2024 trở lại đây, anh T có bạn gái còn tung cả ảnh của hai người lên mạng xã hội, do anh chị mâu thuẫn nên chị đã thuê nhà ra ở riêng, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Ngày 10/10/2024 hai bên gia đình bố mẹ chị cùng bố mẹ anh T đã gặp nhau cùng trao đổi về mối quan hệ vợ chồng của anh chị, nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn có nghĩa vụ trách nhiệm gì đối với nhau. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Anh T.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Lê Quang H, sinh ngày 21/4/2012, hiện cháu đang học lớp 7 tại trường THCS C1, huyện Y. Ly hôn chị C đề nghị anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/4/2012 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị cấp dưỡng nuôi con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng /tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Tại phiên tòa chị C đề nghị giao con chung cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/4/2012 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Anh chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết bị đơn anh Lê Anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và chị Đào Thị C sau thời gian tìm hiểu thì quyết định đi đến hôn nhân, lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 8 năm 2010 tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, có một số hiểu lầm nên dẫn đến chị C chuyển ra ngoài thuê trọ.

Nay chị C khởi kiện ly hôn anh không nhất trí vì anh vẫn còn có tình cảm với vợ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/4/2012, hiện cháu đang học lớp 7 tại trường THCS C1. Nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/4/2012 và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh đủ điều kiện nuôi con, hiện nay anh đang đi làm công nhân ở Hải Phòng lương tháng 9.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Anh chị không vay nợ ai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh T là người khuyết tật dạng câm điếc, chị C có khó khăn trong việc phát âm nên Tòa án mời bà Bà Lâm Thị Hoàng A - Kỹ Thuật viên Bệnh viện P làm phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu.

* Mẹ đẻ của anh Lê Anh T - bà Nguyễn Kim V trình bày:

Anh T - con trai bà bị khuyết tật câm điếc bẩm sinh, anh T không giao tiếp bằng lời nói được chỉ sử dụng ký hiệu ngôn ngữ bằng tay. Anh T vẫn nhận thức, tinh thần minh mẫn và làm việc bình thường. Trước đây, do anh T và chị C học cùng lớp Giáo dục đặc biệt của Trường Tiểu học B, thành phố T nên anh chị quen biết và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20 tháng 8 năm 2010. Khi đăng ký kết hôn có sự chứng kiến của vợ chồng bà và họ hàng bên nội. Anh T, chị C tự ký vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng với vợ chồng ông bà tại thôn H, xã C, huyện Y. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do hiểu lầm có người thứ ba nên có xảy ra cãi vã. Khi cãi vã, do bực tức anh T đã tát chị C, sau đó chị C dọn ra khỏi nhà đi thuê nhà trọ để ở. Nay chị C khởi kiện ly hôn, gia đình rất thông cảm và yêu thương chị C, do hai anh chị hoàn cảnh đặc biệt nên mong muốn anh chị tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, hiện nay chị C đã không còn tình cảm với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định.

Về con chung: Anh T và chị C có 01 con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/4/2012, hiện cháu đang học lớp 7 tại trường THCS C1, xã C, huyện Y. Cháu H sống với vợ chồng ông bà từ nhỏ nên gia đình có nguyện vọng nếu ly hôn thì bố cháu được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bố đẻ chị Đào Thị C - Ông Đào Xuân Q trình bày:

Anh T, chị C được tự do tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20 tháng 8 năm 2010. Chị C sinh ra hoàn toàn bình thường nhưng đến năm 2 tuổi thì bị chó cắn nên bị di chứng từ đó. Chị C không gặp khó khăn về ngôn ngữ, phát âm khó nhưng vẫn nói được và được đi học nên biết đọc, viết thành thạo. Còn anh T bị câm điếc bẩm sinh nên không giao tiếp bằng lời nói được chỉ sử dụng ký hiệu ngôn ngữ bằng tay nhưng anh T vẫn khỏe

mạnh, nhận thức bình thường. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc và sinh được 01 bé trai, năm nay học lớp 7 tại trường THCS C1. Nguyên nhân anh T chị C mâu thuẫn là do hiểu lầm trong cuộc sống, có cãi vã, có lần anh T có tát chị C nên chị C đã bỏ ra ngoài ở trọ để ở. Nay chị C cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại Thôn H, xã C cho thấy: Chị C và anh T là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã C. Anh chị chung sống cùng nhà với bố mẹ anh T, khi anh chị có mâu thuẫn thì chị C đã chuyển ra ngoài ở trọ, anh chị mâu thuẫn không báo chính quyền địa phương hòa giải. Về con chung chị C và anh T có 01 con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/4/2012 hiện nay cháu H đang sống cùng với anh T và bố mẹ anh T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị C .

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị C được ly hôn anh Lê Anh T

Về con chung: Giao cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/4/2012 cho anh Lê Anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đào Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung; vay nợ chung: Chị Đào Thị C và anh Lê Anh T không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị C do chị C là người Khuyết tật; anh Lê Anh T không phải chịu án phí. Chị Đào Thị C và anh Lê Anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật.Tòa án nhận định:

[1].Về tố tụng: Chị Đào Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết việc ly hôn đối với anh Lê Anh T, nơi cư trú tại Thôn H, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa Nguyên đơn chị Đào Thị C có mặt, bị đơn anh Lê Anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt hai lần không có lý do nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị C và anh Lê Anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 20/8/2010, do vậy quan hệ hôn nhân của chị C và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị C và anh T chung sống tại địa chỉ Thôn H, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Hiện nay chị C và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2024. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo phiên hòa giải các đương sự đều có mặt, anh T trình bày ý kiến: Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, có một số hiểu lầm nên dẫn đến chị C chuyển ra ngoài thuê trọ. Nay chị C khởi kiện ly hôn anh không nhất trí vì anh vẫn còn rất yêu thương vợ con, mong muốn hàn gắn. Nay chị C khởi kiện ly hôn anh T không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T đã rất trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong thời gian dài, cả hai đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, xử cho chị C được ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Đào Thị C và anh Lê Anh T có 01 con chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/4/2012. Hiện nay cháu H do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu H có nguyện vọng được ở cùng với anh T. Chị C đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy anh T và chị C thỏa thuận được về việc giao nuôi con chung nên giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại khoản các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQHH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Chị Đào Thị C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng do chị C là người khuyết tật nên miễn toàn bộ án phí cho chị C. Trả lại cho chị Đào Thị C 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000002234929

ngày 18/11/2024 của Công ty cổ phần T2 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002228 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lê Anh T không phải chịu án phí.

[6].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị C

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị C được ly hôn anh Lê Anh T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 20/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang).*

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quang H, sinh ngày 21/4/2012 cho anh Lê Anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Đào Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Đào Thị C. Trả lại cho chị Đào Thị C 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 000002234929 ngày 18/11/2024 của Công ty cổ phần T2 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002228 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lê Anh T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- CCTHADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Quan Thị Thu Trang